

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU
TỈNH Q**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/KDTM-ST

Ngày: 01 - 6 - 2023

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU, TỈNH Q

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Tuấn Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Nam.

2. Ông Lưu Xuân Giới.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Q tham gia phiên tòa: Bà D Thị Nhàn - Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 6 năm 2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2022/TLST-KDTM ngày 08 tháng 4 năm 2022 về việc *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐST-KDTM ngày 15/8/2022; các Quyết định hoãn phiên tòa: số 23 ngày 29/8/2022, số 03 ngày 24/9/2022, số: 05 ngày 24/10/2022; các Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01 ngày 12/9/2022, số 03 ngày 22/12/2022; Thông báo mở lại phiên tòa số: 01/TB-TA ngày 11/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2023/QĐST-KDTM ngày 09/5/2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP X (viết tắt là E); Địa chỉ: Tầng 8, Văn phòng số L8-01-11+16 Tòa nhà V, số 72 L, phường B, quận 1, Thành phố H;

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn t, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lê Thị M - Cán bộ xử lý nợ và QLKTTS khu vực Miền Bắc - Ngân hàng TMCP X. Có mặt.

2. **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1975; Nơi thường trú: khu M, phường H, thị xã Đ, tỉnh Q. Vắng mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Phùng Thị D, sinh năm 1954; Nơi thường trú: khu Mễ X, phường Hưng Đ, thị xã Đ, tỉnh Q. Vắng mặt.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm

1972 và anh Đinh Văn T, sinh năm 1995, cùng thường trú tại: khu M, phường H, thị xã Đ, tỉnh Q. Đầu vãng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Nguyên đơn - Ngân hàng TMCP X (sau đây viết tắt là E) và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có yêu cầu khởi kiện:

Ngày 23/4/2013, Ngân hàng E ký Hợp đồng tín dụng số: 1900-LAV-201300297 cho bà Nguyễn Thị D vay số tiền 500.000.000 đồng; Mục đích sử dụng vốn vay: Sửa chữa, nâng cấp cửa hàng kinh doanh.

Thực hiện Hợp đồng tín dụng, E đã giải ngân và bà Nguyễn Thị D đã nhận nợ theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: 1900-LDS-201300415 ngày 24/4/2013, cụ thể: Số tiền giải ngân: 500.000.000 đồng; Lãi suất cho vay: 18%/năm; Thời hạn vay: 120 tháng kể từ ngày 24/4/2013 đến ngày 24/4/2023; Lịch trả nợ gốc: trả thành 120 kỳ, mỗi kỳ vào 25 hàng tháng, từ kỳ 01 đến kỳ 13 trả đều số tiền 100.000 đồng, từ kỳ 14 đến kỳ 119 trả đều số tiền 4.620.000 đồng, kỳ cuối cùng trả nốt số tiền còn lại là 4.460.000 đồng, kỳ đầu tiên trả nợ gốc là ngày 25/5/2013, kỳ trả nợ cuối cùng ngày 24/4/2023; Lịch trả lãi: vào ngày 25 hàng tháng; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay.

Để bảo đảm cho khoản vay tại E của bà Nguyễn Thị D tại Hợp đồng tín dụng trên, hộ ông Đinh Quang T gồm ông Đinh Quang T và bà Nguyễn Thị Q đã thế chấp cho ngân hàng E: Quyền sử dụng đất và T bộ tài sản khác gắn liền với đất (nhà ở 2 tầng) tại thôn M, xã H, huyện Đ (nay là khu M, phường H, thị xã Đ), tỉnh Q theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số S 570354, vào sổ cấp GCN QSDĐ số 43 QSDĐ/H.Đ do Ủy ban nhân dân huyện Đ (nay là thị xã Đ), tỉnh Q cấp ngày 07/12/2001 cho hộ ông Đinh Quang T.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-201300297 ngày 23/4/2013, bà Nguyễn Thị D đã trả cho E số tiền 297.430.995 đồng (trong đó gốc là 253.300.000 đồng, lãi là 44.130.995 đồng). Sau đó, bà Nguyễn Thị D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, E đã nhiều lần làm việc yêu cầu bà D thanh toán nợ nhưng khách hàng không thực hiện. Tính đến ngày 11/10/2021, bà Nguyễn Thị D còn nợ E số tiền là: 631.448.058 đồng (trong đó nợ gốc là: 246.700.000 đồng; Lãi trong hạn: 327.367.021 đồng; Lãi quá hạn: 57.381.037 đồng).

Ngân hàng E đã gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Q, yêu cầu:

1. Buộc Nguyễn Thị D thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngay cho Ngân hàng TMCP X (E) T bộ nợ gốc và nợ lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 1900-

LAV-201300297 ngày 23/4/2013 tạm tính đến hết ngày 11/10/2021 là 631.448.058 đồng (trong đó nợ gốc là: 246.700.000 đồng; Lãi trong hạn: 327.367.021 đồng; Lãi quá hạn: 57.381.037 đồng). Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. tiền lãi tiếp tục tính từ ngày 12/10/2021 cho đến khi bà Nguyễn Thị D thanh toán xong nợ cho E theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

2. Trường hợp bà Nguyễn Thị D không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng E có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và T bộ tài sản khác gắn liền trên đất (nhà 2 tầng) tại khu M, phường H, thị xã Đ, tỉnh Q theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số S 570354, vào sổ cấp GCN QSDĐ số 43 QSDĐ/H.Đạo do Ủy ban nhân dân huyện Đ (nay là thị xã Đ), tỉnh Q cấp ngày 07/12/2001 cho hộ ông Đinh Quang T và theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất số: 0061/EIBUB-TDCN/TC/11 ngày 05/7/2011 để thu hồi nợ cho E.

3. Nếu tài sản phát mãi không thu hồi đủ nợ thì bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ thanh toán cho đến khi trả nợ xong.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đề nghị sửa đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện về nghĩa vụ trả nợ của bị đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện cần được xem xét giải quyết:

- Trong nội dung đơn khởi kiện đề ngày 24/12/2021 của E thì đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ trả cho cho E T bộ nợ gốc và lãi phát sinh tạm tính đến hết ngày 11/10/2021 là 631.448.058 đồng (trong đó nợ gốc là: 246.700.000 đồng; Lãi trong hạn: 327.367.021 đồng; Lãi quá hạn: 57.381.037 đồng). Trong quá trình giải quyết vụ án đến ngày 24/11/2022 bà Nguyễn Thị D tiếp tục trả cho E tổng số tiền gốc là 55.000.000đ (năm mươi lăm triệu đồng). Do đó, E yêu cầu bà Nguyễn Thị D phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng E số tiền tạm tính đến hết ngày 31/5/2023 là 646.046.318 đồng (trong đó nợ gốc là: 191.700.000 đồng; Lãi trong hạn: 336.458.434 đồng; Lãi quá hạn: 117.887.884 đồng).

- Về chi phí thẩm định: E đề nghị giải quyết chi phí xem xét thẩm định số tiền 8.000.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Bị đơn - bà Nguyễn Thị D có lời khai trong hồ sơ thể hiện: Bà có vay của Ngân hàng Exibank số tiền gốc là 500.000.000 đồng bằng Hợp đồng tín dụng số 1900-TAV-201300297, mục đích để sửa chữa nâng cấp cửa hàng kinh doanh cụ thể như sau: số tiền vay 500.000.000 đồng; thời gian vay 120 tháng. Các vấn đề về lãi suất và các vấn đề khác được thể hiện trong Hợp đồng tín dụng, để đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng này bà có nhờ hộ nhà bà Nguyễn Thị Q, ông Đinh

Quang T thế chấp mảnh đất đứng tên hộ ông Đinh Quang T để thế chấp cho Ngân hàng đảm bảo cho khoản vay của bà, tài sản là quyền sử dụng đất phát hành số S 570354, sổ vào sổ 43/QSDD/H.Đ do UBND huyện Đ cấp ngày 07/12/2001. Việc thế chấp đã được công chứng tại Phòng công chứng số 3 ngày 05/7/2011 của huyện Đ (nay là thị xã Đ). Quá trình thực hiện hợp đồng bà đã trả được số tiền 254.000.000 đồng cùng số tiền lãi phát sinh, quá trình trả tiền gốc và tiền lãi phát sinh này bà trả từ khi vay đến năm 2020 bà dừng lại không trả nữa nên đã vi phạm hợp đồng. Tính đến hiện nay theo thông báo của Ngân hàng bà còn nợ số tiền đúng như thông báo của Ngân hàng và các vi phạm hợp đồng tín dụng của bà như sau: do làm ăn thua lỗ, bà không có khả năng trả đủ số tiền lãi theo thông báo của Ngân hàng. Vì vậy, bà xin Ngân hàng xem xét giảm một phần tiền lãi, còn số tiền gốc còn lại bà chấp nhận trả cho Ngân hàng. Đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho bà trả dần trong thời hạn 12 tháng đối với khoản vay gốc, bà sẽ có trách nhiệm trả hết. Sau khi tất toán được khoản tiền gốc thì đồng thời bà có trách nhiệm trả số tiền lãi còn lại sau khi được Ngân hàng chấp nhận.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Q* có lời khai trong có trong hồ sơ thể hiện: Bà và bà Nguyễn Thị D là quan hệ xã hội quen biết. Do bà D muốn vay vốn tại Ngân hàng nên đã nhờ bà và anh Đinh Quang T là con trai bà dùng tài sản là quyền sử dụng đất làm tài sản đảm bảo cho bà D được vay vốn, bà và anh T đồng ý. Nên, ngày 23/4/2013 bà D ký Hợp đồng tín dụng vay vốn tại Ngân hàng X số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), thời hạn vay là 120 tháng, lãi suất 18%/năm (lãi suất được điều chỉnh theo từng thời kỳ được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng). Để đảm bảo khoản vay của bà Nguyễn Thị D tại Hợp đồng tín dụng trên, bà và anh Đinh Quang T đã thế chấp cho Ngân hàng E là Quyền sử dụng đất và T bộ tài sản gắn liền với đất tại khu M, phường H, thị xã Đ, tỉnh Q theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 570354, vào sổ GCNQSDĐ số 43 QSDD/H.Đ do UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ) cấp ngày 07/12/2001 mang tên hộ ông Đinh Quang T.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đinh Quang T* được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt theo biên bản xác minh ngày 11/01/2023 tại Công an phường H, thị xã Đ có nội dung thể hiện: Anh Đinh Quang T, sinh năm 1995, hiện đang có hộ khẩu thường trú tại khu M, phường H, thị xã Đ, tỉnh Q. Anh T hiện đi làm xa, thỉnh thoảng có về nhà nên không có quan điểm của anh T.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 317, 323 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng E về yêu cầu trả nợ gốc, lãi theo Hợp đồng tín dụng và xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ trong vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tranh chấp phát sinh giữa Ngân hàng TMCP X (sau đây gọi tắt là E) và bà Nguyễn Thị D là tranh chấp về kinh doanh thương mại do cả hai bên đều có đăng ký kinh doanh và mục đích lợi nhuận, thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị D có nơi thường trú tại: khu M, phường H, thị xã Đ, tỉnh Q. Do đó vụ kiện thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Q, theo điểm b khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

1.2. Về việc vắng mặt của bị đơn bà Nguyễn Thị D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Q, anh Đinh Quang T và đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Phùng Thị D: Các đương sự nêu trên đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 trở lên vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, việc xét xử vắng mặt của bị đơn, đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.3 Về việc áp dụng pháp luật: Giao dịch dân sự giữa E và bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Q cùng anh Đinh Quang T được xác lập trước ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực và giao dịch dân sự đang thực hiện có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 do đó cần áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án là phù hợp với điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về việc thay đổi yêu cầu số tiền trả nợ gốc của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện nên cần chấp nhận.

[2] Về nội dung:

2.1 Xét tính hợp pháp của Hợp đồng tín dụng số: 1900-LAV-201300297 ngày 23/4/2013 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) giữa E và Nguyễn Thị D đã ký kết thấy:

Các bên tham gia ký kết hợp đồng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hoàn T tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91 của Luật tổ chức tín dụng. Vì vậy, quyền và nghĩa vụ các bên được pháp luật bảo vệ. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bà Nguyễn Thị D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 25/11/2013, bà Nguyễn Thị D trả nợ không theo đúng các kỳ đã thỏa thuận và không trả nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết là vi phạm Hợp đồng tín dụng, vi phạm Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015.

Về lãi suất trong hạn và quá hạn được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng giữa E và bà Nguyễn Thị D là hoàn T phù hợp với Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

Đến hết ngày 31/5/2023 thì bà Nguyễn Thị D còn nợ E số tiền là 646.046.318 đồng (trong đó nợ gốc là: 191.700.000 đồng; Lãi trong hạn: 336.458.434 đồng; Lãi quá hạn: 117.887.884 đồng).

Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả T bộ số nợ trên là có căn cứ, phù hợp và đúng quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

2.2 Xét tính Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng và tài sản trên đất số: 0061/EIBUB-TDCN/TC/11 ngày 05/7/2011 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng thế chấp), giữa E và Nguyễn Thị D cùng với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Q và anh Đinh Quang T đã ký kết thấy:

- Các bên tham gia ký kết có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hoàn T tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật theo quy định tại Điều 317 của Bộ luật Dân sự 2015. Riêng đối với anh Đinh Quang T tại thời điểm ký kết hợp đồng thế chấp anh T thuộc trường hợp là người đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi nhưng có bà Nguyễn Thị Q là người đại diện hợp pháp đồng ý và cùng tham gia ký hợp đồng thế chấp, phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Bộ luật Dân sự năm 2015. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, quyền và nghĩa vụ các bên được pháp luật bảo vệ.

Về xử lý tài sản bảo đảm: theo quy định tại Điều 299; Điều 300 và Điều 303 của Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 8 của Hợp đồng thế chấp, do bà Nguyễn

Thị D không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ nên E có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Q và anh Đinh Quang T có nghĩa vụ phối hợp với E trong việc xử lý tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình cho E.

Đối với thửa đất và tài sản trên đất qua xem xét thẩm định tại chỗ thì thấy diện tích thửa đất giảm so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do sai số đo đạc, tổ đo vẽ của thôn tại thời điểm đo đạc và tính diện tích bằng phương pháp thủ công. Tuy nhiên, thửa đất và tài sản trên đất vẫn giữ nguyên hiện trạng và là tài sản đúng như tại thời điểm ký kết hợp đồng thế chấp.

Về yêu cầu bà Nguyễn Thị D phải tiếp tục trả T bộ số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-201300297 ngày 23/4/2013 kèm theo phụ lục của hợp đồng; Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1900-LDS-201300451 ngày 24/4/2013, nếu T bộ số tiền thu được từ việc phát mãi, xử lý tài sản bảo đảm sau khi trừ đi các chi phí tố tụng, thì hành án theo quy định của pháp luật mà không đủ thanh toán hết nghĩa vụ nợ của bà Nguyễn Thị D tại E. Xét thấy yêu cầu này phù hợp với quy định tại Điều 299 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên chấp nhận.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng khác:

[3.1] Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí sơ thẩm do yêu cầu của E được chấp nhận. Trả lại cho E T bộ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Triều, tỉnh Q.

[3.2] Về chi phí tố tụng khác: Do yêu cầu của E được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị D phải có nghĩa vụ chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do E đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng nên bà Nguyễn Thị D phải có nghĩa vụ hoàn trả cho E theo quy định tại Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 244; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 21; Điều 299; Điều 307; Điều 323; Điều 317; Điều 463; Điều 466; Điều 357; Điều 468 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP X (E).

1. Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc bà Nguyễn Thị D phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP X (E) tổng số tiền tính đến hết ngày 31/5/2023 là 646.046.318đ (sáu trăm bốn mươi sáu triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn ba trăm mười tám đồng) [trong đó nợ gốc là: 191.700.000đ (một trăm chín mươi mốt triệu bảy trăm nghìn đồng); Lãi trong hạn: 336.458.434đ (ba trăm ba mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn bốn trăm ba mươi bốn đồng); Lãi quá hạn: 117.887.884đ (một trăm mười bảy triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn tám trăm tám mươi bốn đồng)].

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 01/6/2023) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Theo Hợp đồng tín dụng 1900-LAV-201300297 ngày 23/4/2013 kèm theo phụ lục của hợp đồng; Hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ số 1900-LDS-201300451 ngày 24/4/2013.

2. Về xử lý tài sản bảo đảm:

- Trường hợp bà Nguyễn Thị D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng E thì Ngân hàng TMCP X (E) có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và T bộ tài sản khác gắn liền trên đất (nhà 2 tầng) tại khu M, phường H, thị xã Đ, tỉnh Q theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số S 570354, vào sổ cấp GCN QSDĐ số 43 QSDĐ/H.Đ do Ủy ban nhân dân huyện Đ (nay là thị xã Đ), tỉnh Q cấp ngày 07/12/2001 mang tên hộ ông Đinh Quang T theo Hợp đồng thế chấp thế chấp quyền sử dụng và tài sản trên đất số 0061/EIBUB-TDCN/TC/11 ngày 05/7/2011, để thu hồi nợ.

- Trường hợp T bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm sau khi trừ đi các chi phí tố tụng, thi hành án theo quy định của pháp luật không đủ thanh toán hết nghĩa vụ thì bà Nguyễn Thị D phải tiếp tục trả hết T bộ số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-201300297 ngày 23/4/2013 kèm theo phụ lục của hợp đồng; Hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ số 1900-LDS-201300451 ngày 24/4/2013 cho Ngân hàng TMCP X (E).

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị D phải nộp 29.841.852 (*Hai mươi chín triệu tám trăm bốn mươi một nghìn tám trăm năm mươi hai đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng TMCP X (E) số tiền 14.629.000đ (*Mười bốn triệu sáu trăm hai mươi chín nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009341 ngày 01/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ, tỉnh Q.

4. Về chi phí tố tụng khác: Buộc bà Nguyễn Thị D phải hoàn trả 8.000.000đ (tám triệu đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ cho Ngân hàng TMCP X (E).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND, CCTHADS Tx Đ;
- TAND, VKSND tỉnh Q;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Tuấn Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Tuấn Anh

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 01 tháng 6 năm 2023.

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Tuấn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Trần Văn Nam

2. Ông: Lưu Xuân Giới

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 01/2022/TLST-KDTM ngày 08 tháng 4 năm 2022 về "*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*" giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP X (viết tắt là E)

Địa chỉ: Tầng 8, Văn phòng số L8-01-11+16 Tòa nhà Vincom Center, số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Quyết, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lê Thị Mai - Cán bộ xử lý nợ và QLKTTS khu vực Miền Bắc - Ngân hàng TMCP X.

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1975.

Nơi thường trú: khu M3, phường Hưng Đạo, thị xã Đông Triều, tỉnh Q.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn*: Bà Phùng Thị Duyên, sinh năm 1954;

Nơi thường trú: khu M, phường Hưng Đạo, thị xã Đông Triều, tỉnh Q.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1972 và anh Đinh Văn T, sinh năm 1995, cùng thường trú tại: khu M3, phường Hưng Đạo, thị xã Đông Triều, tỉnh Q.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

***) Điều luật áp dụng:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 244; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 21; Điều 299; Điều 307; Điều 323; Điều 317; Điều 463; Điều 466; Điều 357; Điều 468 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

***) Phần quyết định:**

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn -Ngân hàng TMCP X (E).

1. Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc bà Nguyễn Thị D phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP X (E) tổng số tiền tính đến hết ngày 31/5/2023 là 646.046.318đ (sáu trăm bốn mươi sáu triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn ba trăm mười tám đồng) [trong đó nợ gốc là: 191.700.000đ (một trăm chín mươi một triệu bảy trăm nghìn đồng); Lãi trong hạn: 336.458.434đ (ba trăm ba mươi

sáu triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn bốn trăm ba mươi bốn đồng); Lãi quá hạn: 117.887.884đ (một trăm mười bảy triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn tám trăm tám mươi bốn đồng)].

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 01/6/2023) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Theo Hợp đồng tín dụng 1900-LAV-201300297 ngày 23/4/2013 kèm theo phụ lục của hợp đồng; Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1900-LDS-201300451 ngày 24/4/2013.

2. Về xử lý tài sản bảo đảm:

- Trường hợp bà Nguyễn Thị D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng E thì Ngân hàng TMCP X (E) có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và T bộ tài sản khác gắn liền trên đất (nhà 2 tầng) tại khu M, phường Hưng Đạo, thị xã Đông Triều, tỉnh Q theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số S 570354, vào sổ cấp GCN QSDĐ số 43 QSDĐ/H.Đạo do Ủy ban nhân dân huyện Đông Triều (nay là thị xã Đông Triều), tỉnh Q cấp ngày 07/12/2001 mang tên hộ ông Đinh Quang T theo Hợp đồng thế chấp thế chấp quyền sử dụng và tài sản trên đất số 0061/EIBUB-TDCN/TC/11 ngày 05/7/2011, để thu hồi nợ.

- Trường hợp T bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm sau khi trừ đi các chi phí tố tụng, thi hành án theo quy định của pháp luật không đủ thanh toán hết nghĩa vụ thì bà Nguyễn Thị D phải tiếp tục trả hết T bộ số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-201300297 ngày 23/4/2013 kèm theo phụ lục của hợp đồng; Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1900-LDS-201300451 ngày 24/4/2013 cho Ngân hàng TMCP X (E).

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị D phải nộp 29.841.852 (*Hai mươi chín triệu tám trăm bốn mươi một nghìn tám trăm năm mươi hai đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng TMCP X (E) số tiền 14.629.000đ (*Mười bốn triệu sáu trăm hai mươi chín nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009341 ngày 01/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Triều, tỉnh Q.

4. Về chi phí tố tụng khác: Buộc bà Nguyễn Thị D phải hoàn trả 8.000.000đ (tám triệu đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ cho Ngân hàng TMCP X (E).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Biểu quyết về điều luật áp dụng: 3/3 nhất trí.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ, ngày 01 tháng 6 năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Tuấn Anh

